TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 5 - 2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Như Bình **-** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hoa N- Sinh năm: 1985

Nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn S- Sinh năm: 1986

Nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019 và bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, chị Phạm Thị Hoa N trình bày: Chị và anh Phạm Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 07 tháng 11 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N và anh S sống ly thân từ tháng 10 năm 2010 cho đến nay, không quan tâm lẫn nhau. Hiện tại, chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với anh S để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống, chị và anh S có một con chung là Phạm Điệp Quỳnh N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009. Sau ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung; không vay tài sản của ai cũng như không ai vay tài sản của anh chị. Vì vậy, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho anh S nhưng anh S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã T và theo lời khai của bà Trần Thị D (mẹ đẻ của anh S) cho thấy: Gia đình anh S đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho anh S biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân xã T để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh S đều không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Bà Trần Thị D cho biết, sau các lần Tòa án gửi các văn bản tố tụng về bà đã trực tiếp nhận và điện thoại báo cho anh S. Tuy nhiên do điều kiện công việc nên anh S không thể chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Qua trao đổi qua điện thoại với anh S, bà Diện cho biết anh S có nguyện vọng mong muốn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật. Về các nội dung liên quan đến vụ án, anh S và đại diện gia đình (Bà D) thống nhất với trình bày của chị N về quan hệ tình cảm, con chung và tài sản chung.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 02 tháng 5 năm 2019, trước đó đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất cho anh S. Tuy nhiên, do anh S vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập anh S đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 20 tháng 5 năm 2019. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh S, nhưng tại phiên tòa anh S vẫn tiếp tục vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị

đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn S; xử cho chị N ly hôn với anh S; giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu xem xét về tài sản chung của vợ chồng nên không đề nghị xem xét giải quyết về các vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Hoa N có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn S; anh S có nơi cư trú tại xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Về sự vắng mặt của anh Phạm Văn S tại phiên toà, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà hai lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Hoa N và anh Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có sự thấu hiểu lẫn nhau dẫn đến hai bên thường xảy ra xung đột, cãi vã. Từ tháng 10 năm 2010 đến nay, hai bên đã sống ly thân và cũng không quan tâm gì đến nhau nên tình cảm không còn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N kiên quyết xin được ly hôn với anh S.

Đối với anh Phạm Văn S, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng đầy đủ, anh biết rõ việc chị N làm đơn xin ly hôn với mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, nhưng các lần Tòa án triệu tập đều không có mặt để tham gia giải quyết. Mặt khác, theo trình bày của chị N và kết quả xác minh cho

thấy, trong thời gian ly thân, anh S đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với vợ, con; không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Những điều đó chứng tỏ tình cảm của anh S với chị N cũng thực sự không còn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị Hoa N được ly hôn đối với anh Phạm Văn S là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, chị Phạm Thị Hoa N và anh Phạm Văn S có 01 con chung, tên là Phạm Điệp Quỳnh N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Như ở với chị N, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Mặt khác, cháu Như đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh Phạm Văn S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N có thu nhập ổn định và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Theo trình bày của chị N và kết quả xác minh cho thấy vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Phạm Thị Hoa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Văn S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Hoa N, xử cho chị Phạm Thị Hoa N được ly hôn với anh Phạm Văn S.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị Hoa N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Điệp Quỳnh N, sinh ngày 11 tháng 6 năm 2009. Anh Phạm Văn S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hoa N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002352 ngày 11 tháng 3 năm 2019. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn